

# Xy lanh kẹp ba chấu HGDD-35-A-G2

Số bộ phận: 1163039

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                            | Giá trị                                                       |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                          | 35                                                            |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                         | 4 mm                                                          |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                        | 0.2 mm                                                        |
| Bộ gắp tối đa hàm góc chơi rù, ay                   | 0.1 °                                                         |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                              | 0.05 mm                                                       |
| đối xứng quay                                       | 0.2 mm                                                        |
| Độ chính xác lắp lại kẹp                            | 0.03 mm                                                       |
| Số chấu kẹp                                         | 3                                                             |
| Vị trí lắp đặt                                      | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                 | tác động kép                                                  |
| Chức năng kẹp                                       | 3 điểm                                                        |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                            | khí đóng                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                   | Mặt phẳng nghiêng<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức              |
| Phát hiện vị trí                                    | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                    | 4 bar...8 bar                                                 |
| Áp suất vận hành khí chặn                           | 0 bar...0.5 bar                                               |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                      | 4 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)    | 81 ms                                                         |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)  | 42 ms                                                         |
| Môi chất vận hành                                   | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển               | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                       | VDMA24364-B2-L                                                |
| Mức độ bảo vệ                                       | IP65                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                      | 5 °C...60 °C                                                  |
| Mô-men quán tính khối lượng                         | 1.37 kgcm²                                                    |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                     | 300 N                                                         |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh | 12 N m                                                        |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh              | 8 N m                                                         |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh              | 8 N m                                                         |
| Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng     | 5 triệu lượt                                                  |

| Đặc tính                                          | Giá trị                                                      |
|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài | 57 g                                                         |
| trọng lượng sản phẩm                              | 370 g                                                        |
| Kiểu gắn                                          | với lỗ xuyên và chốt<br>với ren trong và chốt khớp<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén khí chặn                         | M3                                                           |
| Cổng nối khí nén                                  | M5                                                           |
| Ghi chú vật liệu                                  | Tuân thủ RoHS                                                |
| Vật liệu nắp che                                  | thép không gỉ hợp kim cao                                    |
| Vật liệu vỏ                                       | Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn                               |
| Hàm kẹp vật liệu                                  | Thép cứng                                                    |